

TÍNH THỜI ĐẠI CỦA TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH THỂ HIỆN QUA “DI CHỨC”

Phạm Thị Như Thúy

NCS Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài 25/9/2019, ngày nhận đăng 18/11/2019

Tóm tắt: Tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh với tư cách là một hệ giá trị tinh thần cao quý của dân tộc được thể hiện toàn diện trong mọi hoạt động cách mạng của Người, đặc biệt, được bộc lộ kết tinh dưới dạng ngôn ngữ ở Di chúc. Để góp phần khẳng định ý nghĩa của việc học tập Di chúc, bài viết tập trung tìm hiểu nội dung tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh cùng tính thời đại của di sản tinh thần này thông qua những luận điểm then chốt nhất của văn bản.

Từ khóa: Tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh với tư cách là một hệ giá trị tinh thần; tính thời đại.

1. Tư tưởng, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một di sản tinh thần lớn của dân tộc Việt Nam, phản ánh sinh động quá trình hoàn thiện hệ giá trị tinh thần Việt Nam trong lịch sử và trong thế kỷ XX. Đó là sự kết tinh những tinh hoa của tư tưởng, đạo đức truyền thống và tư tưởng, đạo đức cách mạng, thông qua vai trò tổng hợp của một cá nhân xuất chúng. Cho đến nay, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vẫn được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là một giá trị nền tảng, làm chỗ dựa cho toàn bộ hoạt động, ứng xử của con người Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Để thấm nhuần tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh trong *Di chúc* Người để lại, cần phải chú ý đến tính thời đại của loại hình tư tưởng, đạo đức này. Bất rĩ sâu vào truyền thống dân tộc nhưng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vẫn tạo được một cột mốc trong bối cảnh toàn nhân loại dứt khoát từ giã thời đại “một số người trị vì còn những người khác thì đau khổ” để xây dựng thế giới mới mà “trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người” như K. Marx và F. Engels đã khẳng định trong *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*. Không chỉ thế, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh còn được định hình dần trong điều kiện đặc biệt của lịch sử dân tộc: nhân dân Việt Nam “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” (1946) (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 4, tr. 202) và “Không có gì quý hơn Độc lập Tự do” (1966).

Có thể nói tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh vừa mang đặc thù dân tộc vừa có tính phổ biến toàn nhân loại. Điều đáng chú ý là những mệnh đề thể hiện hệ tư tưởng, đạo đức này đã được Hồ Chí Minh ghi lại trong *Di chúc* và diễn đạt bằng một ngôn ngữ hết sức bình dị, rất gần gũi với tâm hồn, trí tuệ người Việt Nam. Nhưng quan trọng hơn, toàn bộ nội dung của nó đã được bộc lộ sinh động qua mọi hoạt động của một con người đã dành trọn cuộc đời mình cho dân tộc: “Tự do cho đồng bào tôi, Độc lập cho Tổ quốc tôi. Đó là tất cả những gì tôi muốn. Đó là tất cả những gì tôi hiểu” (Trần Dân Tiên, 1976, tr.73). Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng một xã hội tốt đẹp phải có nền tảng đạo đức. Đạo đức cách mạng là cái gốc của cán bộ, đảng viên, cũng là cái gốc của một đảng cách mạng chân chính. Và nền tảng ấy được xây đắp bằng giáo dục, bằng sự chi phối của văn hóa.

Người nhận định: “Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 12, tr. 252).

Câu nói trên giúp ta hiểu rõ đâu là cầu nối giữa phẩm chất người cách mạng và nền tảng văn hóa trong toàn bộ sự nghiệp giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh. Ở Người, sự nghiệp cách mạng đã được nâng lên tầm văn hóa. Đó là điều hiếm thấy ở những vĩ nhân khác của dân tộc Việt Nam cũng như của thế giới.

Hồ Chí Minh quan niệm người cách mạng không phải là kẻ xa lạ hoặc đối lập với đồng loại, mà là người bộc lộ được toàn bộ những phẩm chất đạo đức mà tất cả mọi cá nhân trong các cộng đồng xã hội muốn hướng tới. Trở thành người cách mạng không phải là cứu cánh mà là phương tiện thực hiện đạo đức, hơn nữa, hoàn thiện đạo đức. Ở Hồ Chí Minh, chất cách mạng đã chuyển thành chất văn hóa, chất nhân bản. Muốn thực hiện *Di chúc* của Người trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn xây dựng đất nước văn minh tiến bộ và chống nghèo nàn lạc hậu, đạo đức càng phải được giữ vững. Thấu hiểu điều này, Người nói: “Một dân tộc biết cần kiệm, biết liêm, là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 12, tr. 642).

2. Trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là tiêu chuẩn tối cao, vì có đạo đức thì mọi việc khác sẽ có nền tảng vững chắc để phát huy và tài năng sẽ nở rộ. Đạo đức là bộ phận năng động nhất của thế giới quan, trực tiếp chỉ đạo mọi hành vi của con người. Đạo đức và luân lý Đông - Tây đều quan tâm đến giá trị của con người. Nhưng lấy gì làm chuẩn mực cho giá trị của con người cũng như của văn hóa, văn minh? Trong truyện ngắn *Một con người ra đời*, M. Gorki đưa ra hai nhận xét có tính chất cảm thán: “Con người, hai tiếng ấy vang lên kiêu hãnh xiết bao”; “Cao sang thay cái chức vị làm người trên trái đất”. Như vậy, giá trị của con người tùy thuộc vào mức độ hoàn thành “chức vị làm người”. Đối với Hồ Chí Minh, “mọi việc đều do con người làm ra cả”, từ đó Người đặt ra yêu cầu rất cao với đạo đức, nó là sự thể hiện cao nhất trách nhiệm của con người trước cuộc sống xã hội, và theo đó, Người luôn đặt niềm tin ở con người. Điểm xuất phát và đích cuối cùng của bản *Di chúc*, về đạo đức, là con người không được tách khỏi đồng loại; giữa con người cụ thể với đồng loại phải tồn tại văn hóa biết yêu thương.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, người có đạo đức là người biết sống vì đồng loại, biết tìm hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của đồng loại, cụ thể là trong hạnh phúc của nhân dân lao động. Đạo đức đó hoàn toàn phù hợp với bản chất của con người theo như K. Marx quan niệm: “Bản chất con người phải được cấu tạo sao cho chỉ khi con người làm việc nhằm hoàn thiện cả những người cùng thời vì lợi ích của họ thì mới đạt tới sự hoàn thiện bản thân”. Do đó, Người ân cần căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”; sau khi kết thúc chiến tranh, cần phải “miễn thuế nông nghiệp một năm cho hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm nguồn phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 12, tr. 504), làm được như thế là “trọng dân”, “thấu hiểu lòng dân”, “khoan thư sức dân” theo đạo nghĩa. Như vậy, với Hồ Chí Minh, quan hệ tốt với nhân dân là một tiêu chuẩn rất quan trọng của đạo đức, qua hai phương diện gắn bó với nhau:

Thứ nhất, lợi ích của nhân dân là mục đích tối cao của mọi việc làm, mọi chính sách, “điều gì có lợi cho dân, phải hết sức làm, điều gì có hại cho dân, phải hết sức tránh” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 4, tr. 348). Nói cách khác, nhân dân là đối tượng phục vụ của cán bộ ở bất cứ cương vị xã hội nào. Do đó, ở phương diện này, đạo đức Hồ Chí Minh đòi hỏi phải toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, phải cần kiệm liên chính, chí công vô tư.

Thứ hai, mọi chủ trương chính sách lại đều do nhân dân thực hiện. Ở phương diện này, đạo đức Hồ Chí Minh đòi hỏi phải hết sức dân chủ với nhân dân: “nếu ai nói chúng ta không dân chủ, thì chúng ta khó chịu. Nhưng chúng ta tự xét cho kỹ, thì thật có như thế” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 4, tr.484). Đạo đức Hồ Chí Minh có chiều sâu nhân văn và mang tính dân chủ. Tuy nhiên, hai điều Người đã nêu trên không phải dễ thực hiện. Bởi vậy, trong suốt nhiều năm lãnh đạo đất nước, Người từng phải nhiều lần hướng dẫn cán bộ và tổ chức các cấp cách làm: “Trong mọi công việc, ngay từ khi lập kế hoạch và suốt cả thời gian thực hiện, phải mạnh dạn phát động quần chúng, làm cho mọi người thấm nhuần tinh thần làm chủ tập thể. Quần chúng thực sự có quyền dân chủ và cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải xung phong gương mẫu, thì chắc chắn ngăn ngừa được những tệ quan liêu, mệnh lệnh lãng phí, tham ô” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 12, tr. 249). Hồ Chí Minh luôn tôn trọng tính dân chủ trong mọi trường hợp, từ việc rất nhỏ đến việc lớn: “Bác muốn bàn luận dân chủ, các chú có ý kiến gì trái với Bác cứ cãi, nhất trí rồi về làm mới tốt được. Không nên: Bác nói gì, các chú cũng ghi vào sổ mà trong bụng thì chưa thật rõ, rồi các chú không làm, hay làm một cách qua loa”; “Các chú phải hết sức chú ý vấn đề dân chủ và kỷ luật. Kỷ luật trong dân chủ, dân chủ phải có kỷ luật. Bác thấy có nơi còn có hiện tượng cán bộ cấu kinh với chiến sĩ, như vậy không tốt. Có gì thì cứ bình tĩnh bảo nhau, bàn với nhau. Càng cấu càng khó nghe. Muốn dân chủ tốt, kỷ luật cao, cán bộ phải gương mẫu phê bình và tự phê bình. Ví dụ: Bác và các chú khai hội với nhau, Bác tự phê bình trước thì các chú mới dám phê bình. Các chú có khuyết điểm, Bác phê bình lại. Mục đích tự phê bình và phê bình là học cái hay, tránh cái dở, chứ không phải nói xấu nhau” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 12, tr. 249, tr. 547).

Bàn về dân chủ và quyền tự do dân chủ, Hồ Chí Minh luôn là người trình bày linh hoạt và thấu tình đạt lý, Người nói: “Tự do tư tưởng. Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm ra chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý.” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 4, tr.492).

Vậy là, có thể coi sự mở rộng dân chủ là thước đo của sự tiến bộ xã hội, và tùy thuộc vào các điều kiện cụ thể của xã hội ấy. Trong mọi trường hợp, có dân chủ mới có thể phát triển kinh tế - xã hội.

3. Trong quan niệm đạo đức Hồ Chí Minh, không có con người trừu tượng, do đó cũng không có đạo đức trừu tượng, không có nhân dân trừu tượng. Nhân dân là nhân dân cụ thể, con người là con người cụ thể. Con người cụ thể trong đạo đức Hồ Chí Minh là con người có tự do, được bình đẳng, giàu tình bác ái, coi nhau như anh em. Nhưng muốn đạt được điều đó thì trước hết con người phải được sống trong một đất nước độc lập. Đây chính là điều Bác muốn bổ sung cho khẩu hiệu nổi tiếng của cách mạng tư sản Pháp - từ “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” thành “Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Độc lập”. Năm 1946, trong bức thư “gửi người Việt Nam, người Pháp và người thế giới”, Hồ Chí Minh đã gọi “tự do, bình đẳng, bác ái, độc lập” là đạo đức thật sự. Trong đạo đức Hồ Chí Minh, độc lập

của đất nước nói ở đây là độc lập cụ thể, không tách khỏi sự sống cụ thể của con người. Con người là điểm xuất phát của mọi giá trị đạo đức, và mọi giá trị đều được quy về hạnh phúc toàn thể của con người. Ngày 17 tháng 9 năm 1945, Bác viết: “Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 4, tr. 35). Luận điểm sâu sắc này có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn cực kỳ quan trọng trong việc thực hiện *Di chúc* của Người với công cuộc xây dựng đất nước của chúng ta ngày nay.

Năm 1946, phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, Người lại khẳng định tiếp: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no mặc đủ” (Hồ Chí Minh, 2011, Tập 4, tr. 87). Trong cuộc đối thoại giữa Hồ Chí Minh với các nhà báo ngày 10 tháng 7 năm 1946 tại Paris, Người từng phát biểu: “Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác... còn khi nào thì chủ nghĩa Các Mác thực hiện thì tôi không thể trả lời được. Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được cần phải có đất kỹ nghệ, đất nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình. Ở nước tôi những điều kiện ấy chưa đủ” (Báo *Cứu quốc*, 1946). Qua phân tích câu chuyện này, có thể thấy, đối với Hồ Chí Minh, hạnh phúc của con người cũng như mọi giá trị đạo đức, mọi giá trị văn hóa của con người không phải chỉ dừng lại ở chỗ “ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. “Tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình”, đó mới là mục tiêu cuối cùng trong lý tưởng tự do và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Và chỉ có như vậy thì con người mới có thể tự thể hiện giá trị văn hóa, giá trị đạo đức, giá trị nhân bản của chính mình.

Điều mà tất cả mọi người dân Việt Nam chúng ta ai cũng nhận thấy, khi đất nước bị thực dân Pháp đô hộ thì hơn 90% người dân không biết đọc, biết viết, bị tước đoạt, nô dịch về mặt văn hóa, nhưng khi vừa giành được độc lập Người đã kêu gọi đẩy mạnh công tác xóa nạn mù chữ do đó, giáo dục được phát triển rộng khắp trên cả nước, tiếng mẹ đẻ được dùng ở tất cả các cấp học và một nền văn hóa mới được hình thành theo hướng dân tộc, khoa học và đại chúng.

4. Bản *Di chúc* của Hồ Chí Minh đã thể hiện sâu sắc nền móng cơ bản của đạo đức là lòng nhân ái bao la, thương yêu, tôn trọng, tin cậy con người. Sự nghiệp và di sản văn hóa ấy mang khát vọng của con người muốn được giải phóng, được không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa, được yêu thương nhau trong hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ. Điều này khiến cho tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh có tính thời đại, có sức cảm hóa lớn đối với trái tim và khối óc không những quảng đại quần chúng nhân dân Việt Nam, mà còn của bạn bè quốc tế.

Nhà hoạt động văn hóa Cuba Ronê Dopêtoro viết: “Những ai muốn biết thế nào là một con người thật sự, vẻ đẹp của thế giới ở đâu, sự chiến thắng của chân lý trên trái đất ở đâu, ở đâu có mùa xuân, xin hãy đến thăm cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự tồn tại điển hình của một anh hùng của thời đại chúng ta. Nhà cách mạng lão thành này ngay giữa cuộc đời mình và đi vào truyền thuyết. Cuộc sống của Người là một bài thơ đầy nét anh hùng ca, giống như cuộc đấu tranh của dân tộc Người” (Lê Khánh Sơn 2001, tr. 35).

Những giá trị nhân văn cao đẹp, vị nhân sinh trong *Di chúc* Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện tình cảm, tư tưởng đạo đức mà còn hướng tới một sự thống nhất chặt chẽ giữa nói và làm, giữa đời công và đời tư, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành "tinh hoa và khí phách, lương tâm và danh dự", thành biểu tượng của đạo đức và văn minh, không phải chỉ của Đảng ta, dân tộc ta, mà còn là biểu tượng của đạo đức, văn minh nhân loại. 50 năm hay dài lâu hơn nữa, lời dạy của Người vẫn mãi là ngọn đuốc soi đường cho chúng ta noi theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo *Cứu quốc* (15/7/1946). Tài liệu lưu trữ ở Cục lưu trữ Quốc gia. Hà Nội.
Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, Tập 4.
Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, Tập 5.
Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, Tập 12.
Lê Khánh Sơn (2001). *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*. Hà Nội: NXB Thanh niên.
Trần Dân Tiên (1976). *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Hà Nội: NXB Sự thật.

SUMMARY

CONTEMPORARY VALUES OF HO CHI MINH'S MORALITY AND IDEOLOGY PRESENTED IN HIS TESTAMENT

Ho Chi Minh's ideology and morality as a noble moral value system of the nation are comprehensively reflected in all of his revolutionary activities, especially manifested as quintessence in the form of the language in the testament. In order to contribute to affirming the meaning of the learning from the testament, the article focuses on the study of the content of Ho Chi Minh's ideology and morality and the contemporary values of this spiritual heritage through the most critical points of the document.

Keywords: Ho Chi Minh's ideology, morality, a set of spiritual values; contemporary.